Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 7011.20.00

Mã HS	7011.20.00
Mô tả hàng hóa	Vỏ bóng đèn thủy tinh (kể cả bóng dạng bầu và dạng ống), dạng hở, và các bộ phận bằng thủy tinh của vỏ bóng đèn, chưa có các bộ phận lắp ghép, dùng cho đèn điện và các nguồn sáng, ống đèn tia ca-tốt hoặc các loại tương tự / - Dùng cho ống đèn tia ca-tốt
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	08/11/2026 13:40:41
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/70112000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10519
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10519
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q10519
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-TH)	0% (trừ TH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E10003
ATIGA	2022	2022	0	AT!E9954
ATIGA	2023	2023	0	AT!F9954
ATIGA	2024	2024	0	AT!G9954
ATIGA	2025	2025	0	AT!H9954
ATIGA	2026	2026	0	AT!I9954
ATIGA	2027	2027	0	AT!J9954
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E10006
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F10006

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G10006
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H10006
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I10006
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J10006
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E10007
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F10007
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G10007
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H10007
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I10007
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J10007
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F10008
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H9960
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F9966
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G9966
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H9966
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I9966
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J9966
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K9966
VKFTA	2022	2022	0	VK!E9991
VKFTA	2023	2023	0	VK!F9991
VKFTA	2024	2024	0	VK!G9991
VKFTA	2025	2025	0	VK!H9991
VKFTA	2026	2026	0	VK!I9991
VKFTA	2027	2027	0	VK!J9991
VCFTA	2022	2022	0	VC!D10038
VCFTA	2023	2023	0	VC!E10038

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F10038
VCFTA	2025	2025	0	VC!G10038
VCFTA	2026	2026	0	VC!H10038
VCFTA	2027	2027	0	VC!I10038
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D10029
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E10029
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F10029
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G10029
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H10029
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I10029
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D10029
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E10029
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F10029
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G10029
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H10029
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I10029
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D10040
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E10040
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F10040
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G10040
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H10040
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I10040
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D10039
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E10039
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F10039
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G10039

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H10039
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I10039
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D9986
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E9986
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F9986
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G9986
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H9986
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I9986
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J9986
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D10023
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E10023
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F10023
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G10023
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H10023
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I10023
RCEP B	2022	2022	0	B!D10023
RCEP B	2023	2023	0	B!E10023
RCEP B	2024	2024	0	B!F10023
RCEP B	2025	2025	0	B!G10023
RCEP B	2026	2026	0	B!H10023
RCEP B	2027	2027	0	B!I10023
RCEP C	2022	2022	0	C!D10023
RCEP C	2023	2023	0	C!E10023
RCEP C	2024	2024	0	C!F10023
RCEP C	2025	2025	0	C!G10023
RCEP C	2026	2026	0	C!H10023

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I10023
RCEP D	2022	2022	0	D!D10022
RCEP D	2023	2023	0	D!E10022
RCEP D	2024	2024	0	D!F10022
RCEP D	2025	2025	0	D!G10022
RCEP D	2026	2026	0	D!H10022
RCEP D	2027	2027	0	D!I10022
RCEP E	2022	2022	0	E!D10026
RCEP E	2023	2023	0	E!E10026
RCEP E	2024	2024	0	E!F10026
RCEP E	2025	2025	0	E!G10026
RCEP E	2026	2026	0	E!H10026
RCEP E	2027	2027	0	E!I10026
RCEP F	2022	2022	0	F!D10023
RCEP F	2023	2023	0	F!E10023
RCEP F	2024	2024	0	F!F10023
RCEP F	2025	2025	0	F!G10023
RCEP F	2026	2026	0	F!H10023
RCEP F	2027	2027	0	F!I10023
VIFTA	2024	2024	0	VI!F9266
VIFTA	2025	2025	0	VI!G9266
VIFTA	2026	2026	0	VI!H9266
VIFTA	2027	2027	0	VI!I9266

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7011.20.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 7011.20.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10519), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.